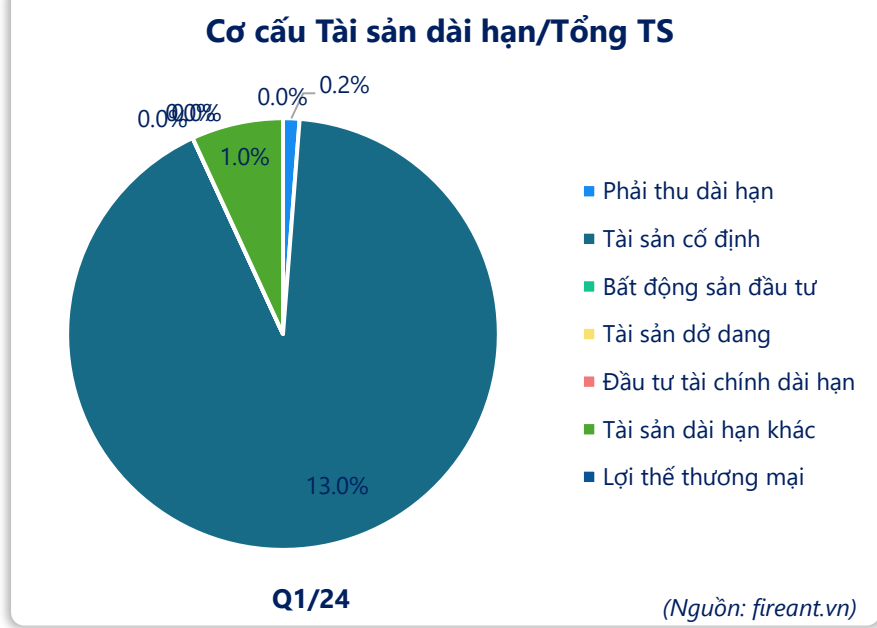
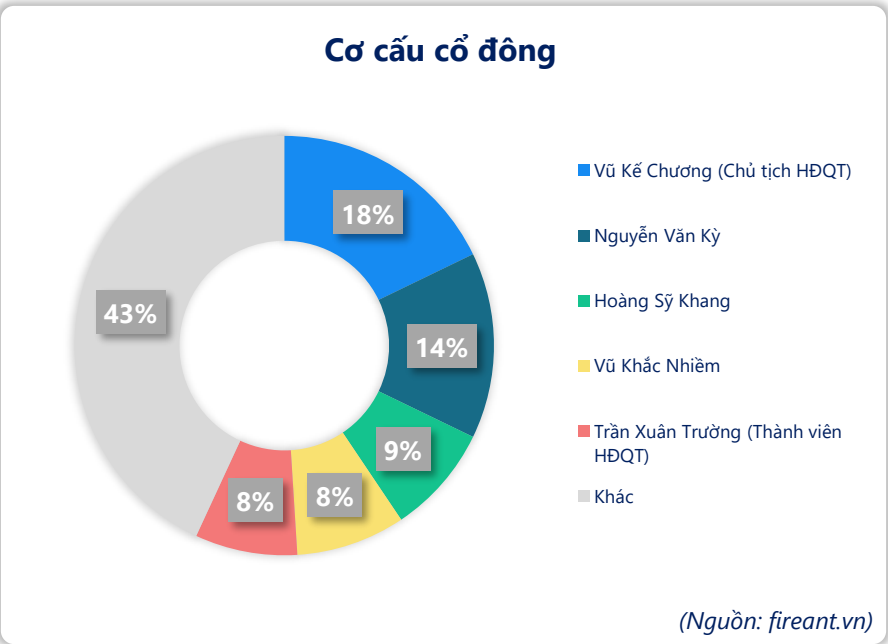
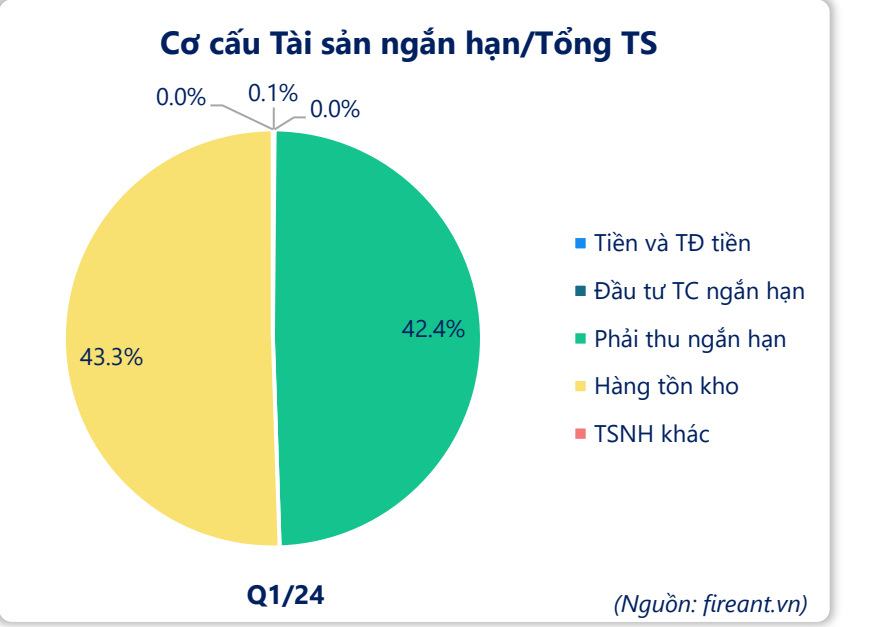
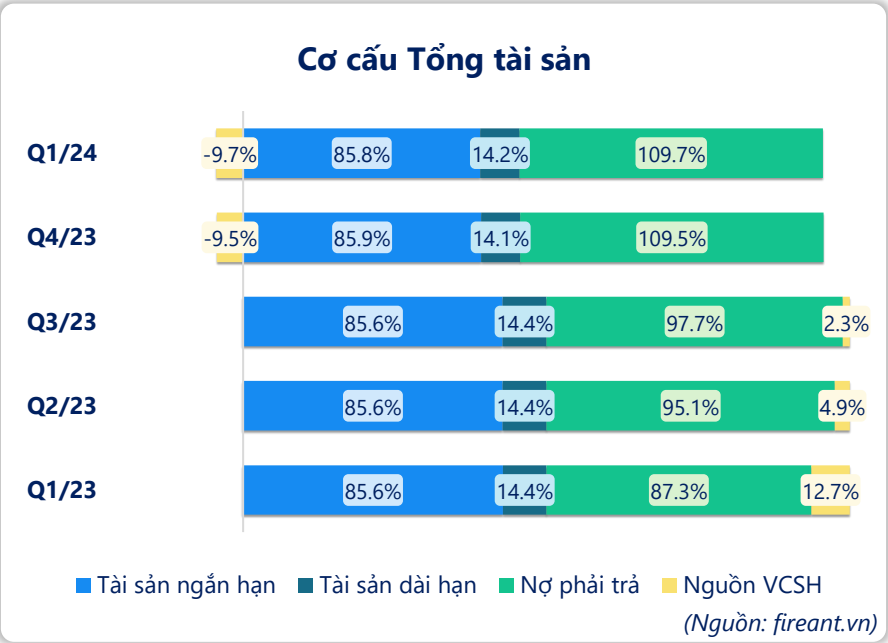
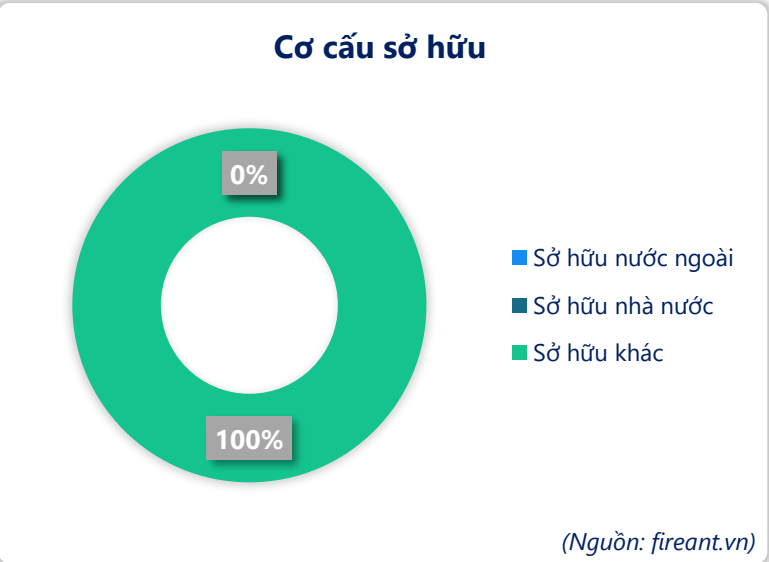
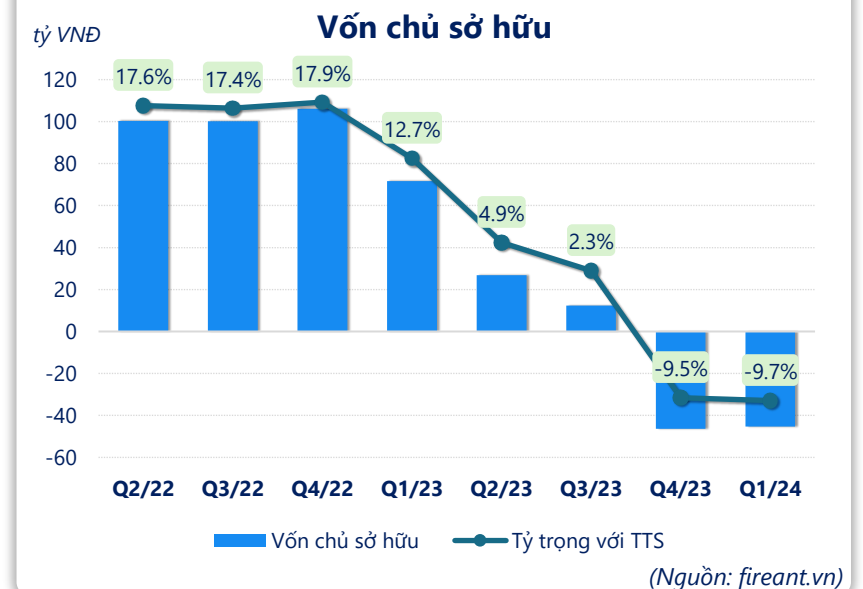
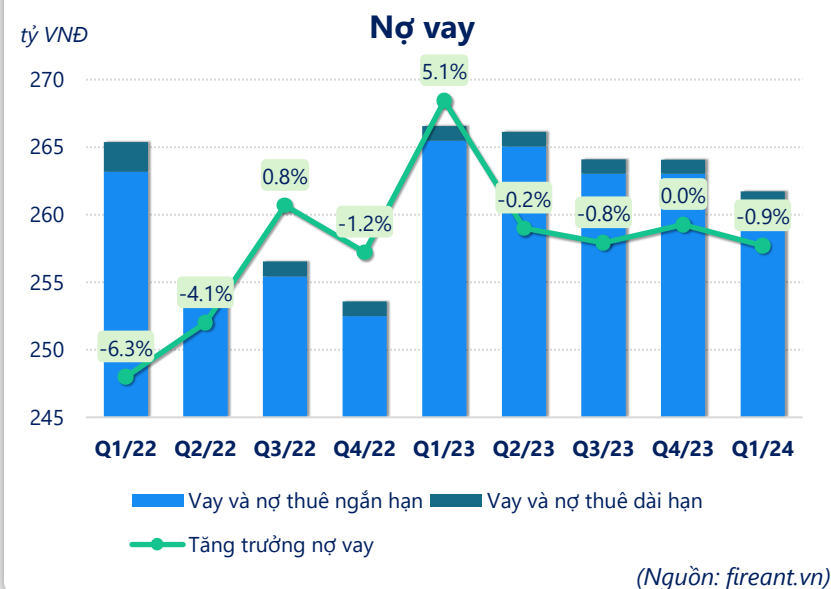
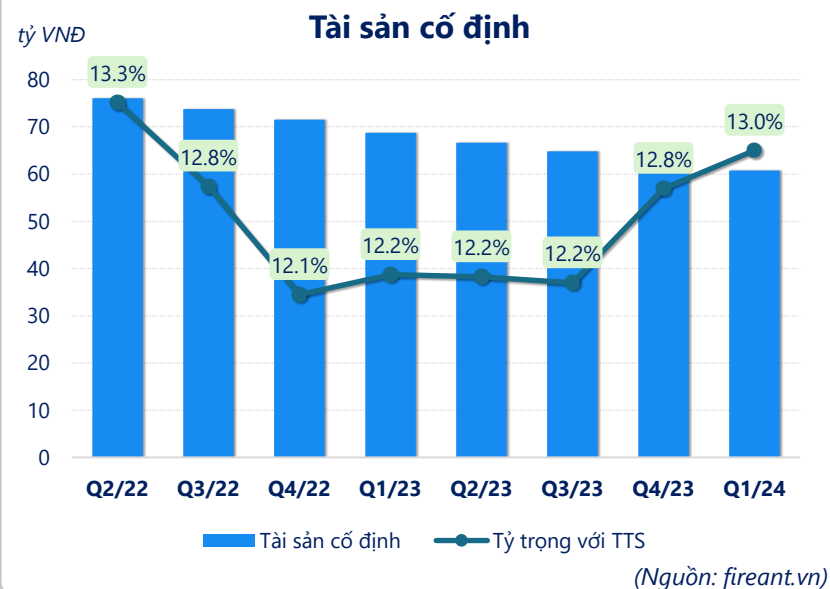
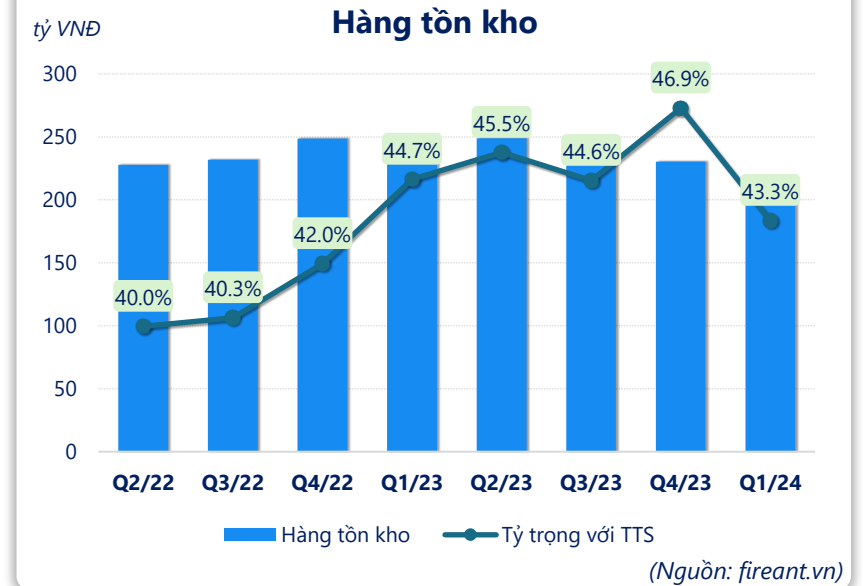
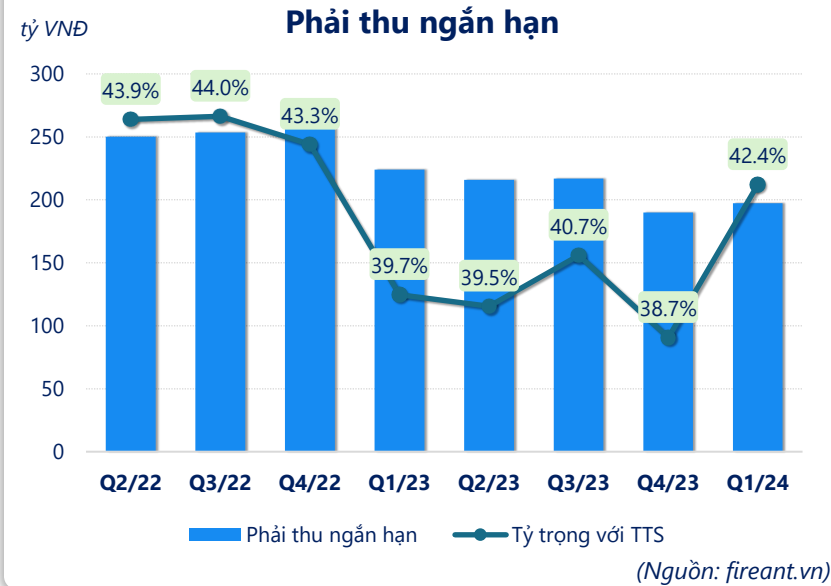
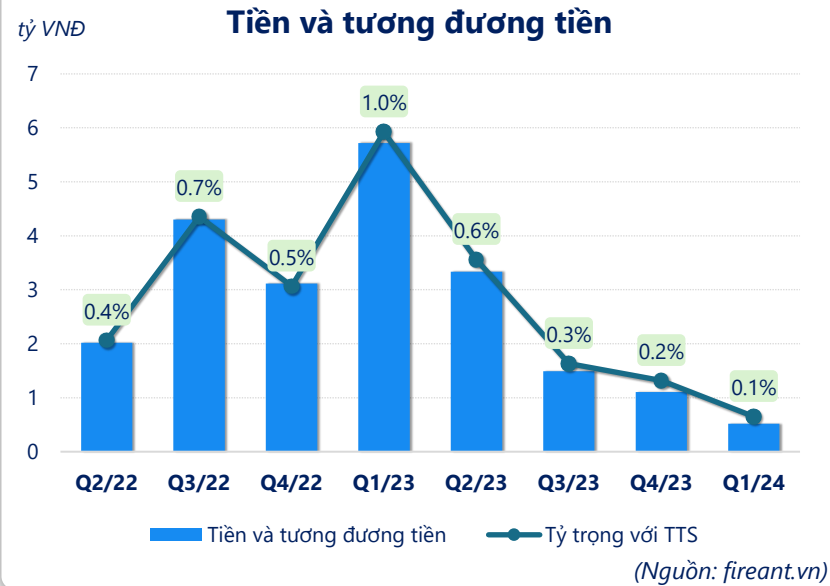
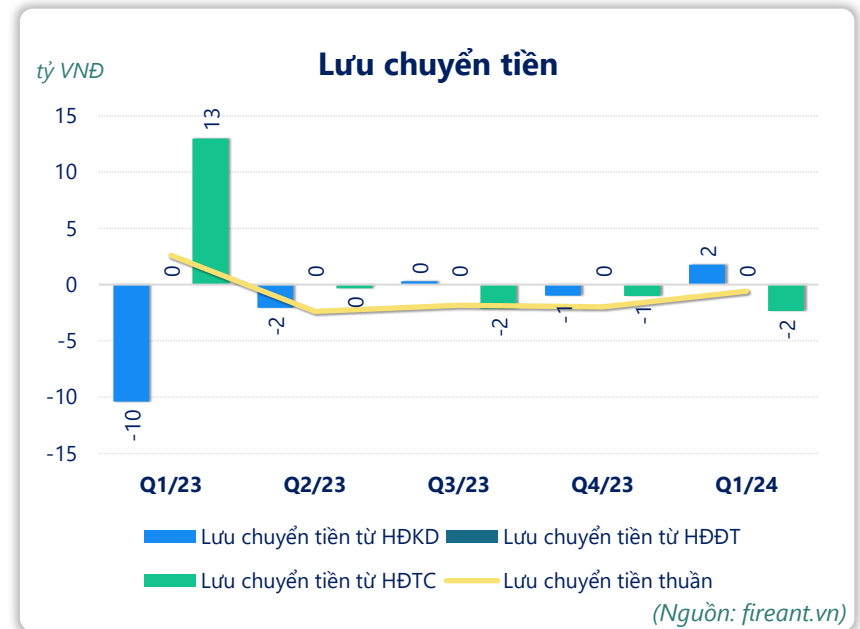
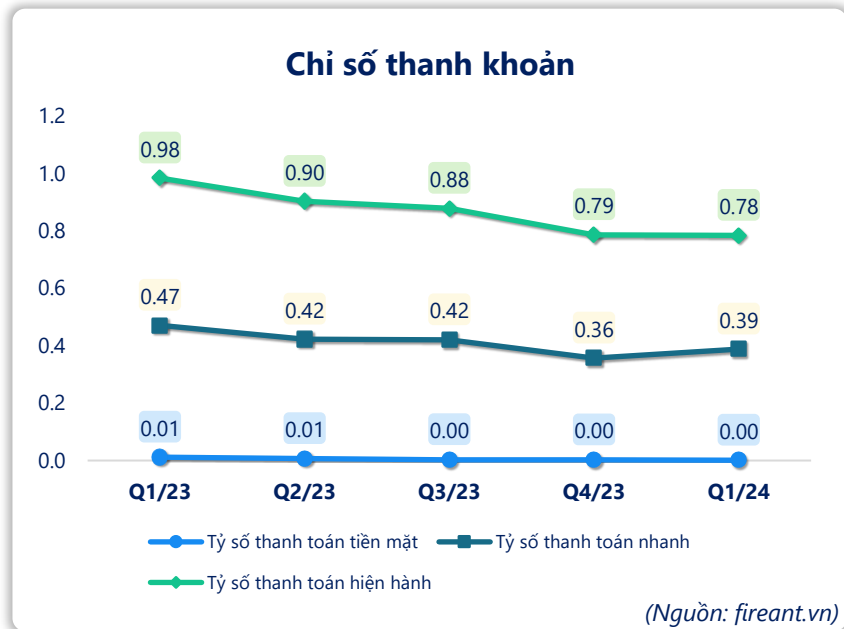
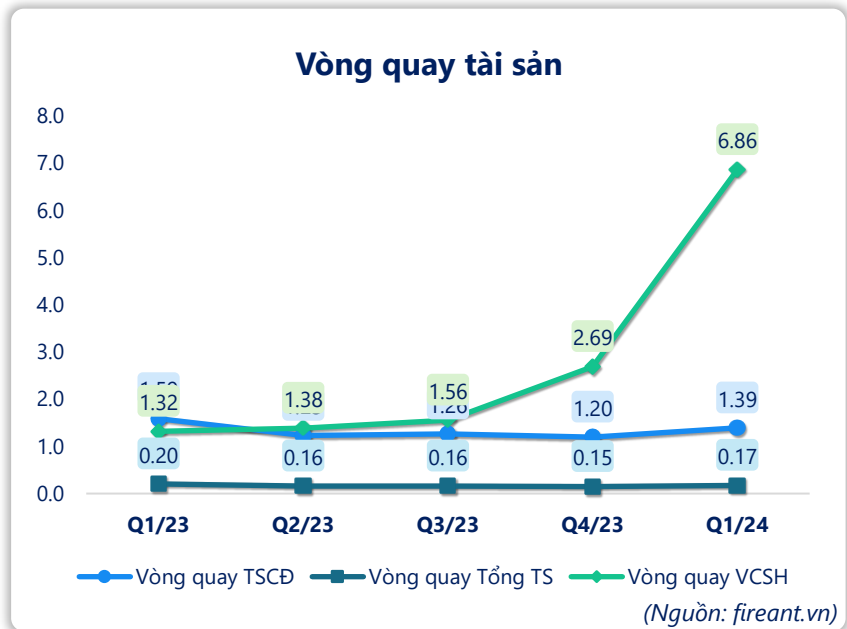
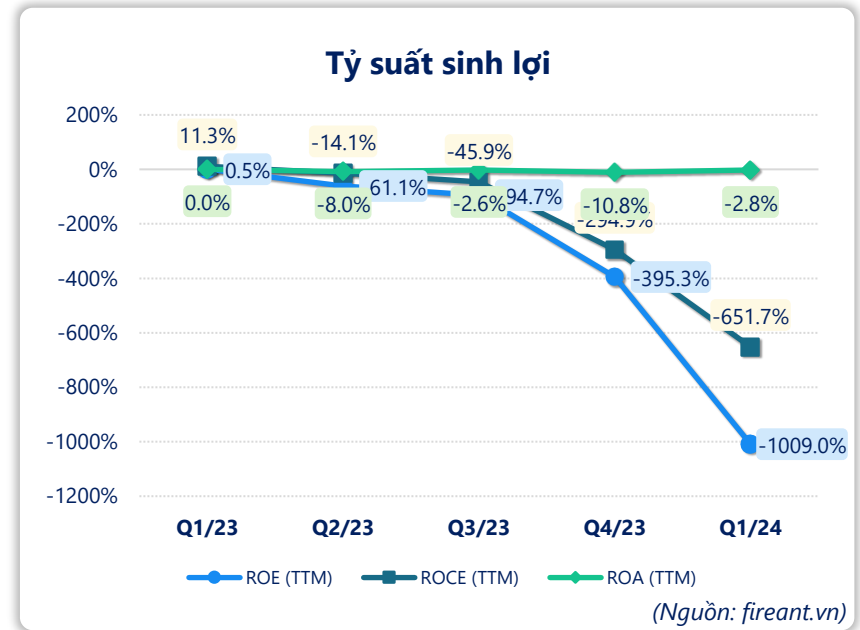
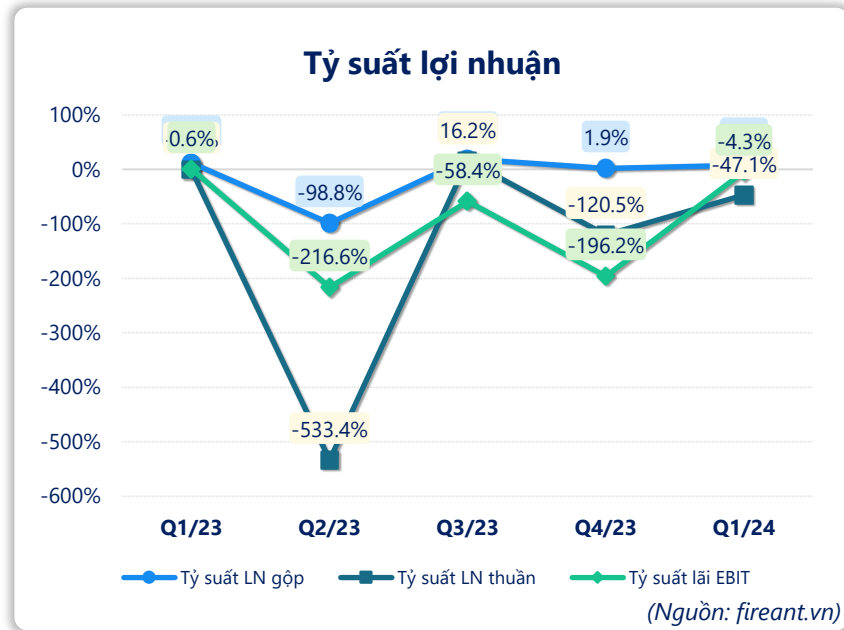
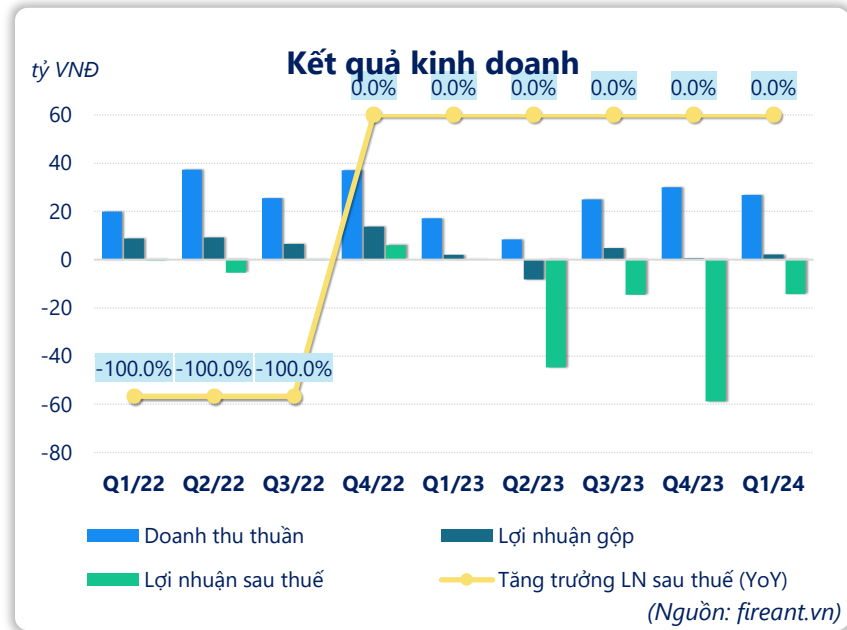


Thông tin giao dịch		31/03/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		2,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		3,900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		2,300
SL cổ phiếu LH		8,298,243
KLGD BQ 20 phiên (CP)		18,070
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		24
P/E		-0.2
EPS		-15,941

	YTD	1T	3T	6T
L62	-9.4%	-3.3%	-12.1%	-19.4%
VNINDEX	13.5%	1.8%	14.4%	11.3%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	466	486	-4.2%
Tài sản ngắn hạn	400	417	-4.1%
Tiền và tương đương tiền	0.52	1.11	-53.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	197	195	1.4%
Hàng tồn kho	202	221	-8.8%
Tài sản ngắn hạn khác	0.01	0.03	-48.8%
Tài sản dài hạn	66.1	69.4	-4.8%
Phải thu dài hạn	0.81	2.13	-61.7%
Tài sản cố định	60.7	62.7	-3.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	4.54	4.57	-0.7%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	511	518	-1.2%
Nợ ngắn hạn	510	517	-1.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	261	263	-0.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	62.3	69.8	-10.7%
Nợ dài hạn	1.05	1.05	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	1.05	1.05	0.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	-45.4	-31.1	-45.9%
Vốn chủ sở hữu	-45.4	-31.1	-45.9%
Vốn điều lệ	83.0	83.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Doanh thu thuần	17.1	8.31	24.9	29.9	26.8
Giá vốn hàng bán	15.0	16.5	20.2	29.4	24.6
Lợi nhuận gộp	2.03	-8.21	4.78	0.56	2.12
Doanh thu HĐTC	0.02	0.01	0.05	0.03	0.05
Chi phí TC	0.04	26.8	0.08	31.4	14.2
Chi phí lãi vay	0.04	26.7	0	0	13.1
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	2.08	9.29	0.72	5.25	0.59
LN thuần từ HĐKD	-0.07	-44.3	4.03	-36.1	-12.6
Lợi nhuận khác	0.14	-0.42	-18.6	-22.6	-1.66
LN trước thuế	0.07	-44.7	-14.6	-58.7	-14.3
Lợi nhuận sau thuế	0.07	-44.7	-14.6	-58.7	-14.3
LNST của CĐ cty mẹ	0.07	-44.7	-14.6	-58.7	-14.3

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-10.4	-2.06	0.29	-0.97	1.76
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	0	0	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	13.0	-0.32	-2.14	-1.02	-2.35
Tiền đầu kỳ	3.11	5.72	3.34	1.49	1.11
Lưu chuyển tiền thuần	2.61	-2.38	-1.84	-1.99	-0.59
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	5.72	3.34	1.49	-0.50	0.52

(Nguồn: fireant.vn)